

**CÔNG TY CỔ PHẦN
HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **87** /GT-HCCB

Tp.HCM, ngày **18** tháng 01 năm 2023.

Về việc giải trình sự biến động lợi
nhuận sau thuế BCTC hợp nhất quý 4
năm 2022 so với cùng kỳ năm trước

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty: Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam (CSV)
Trụ sở chính: 22 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ
Chí Minh

Điện thoại: (028) 38296620 - 38225373

Fax: (028) 38239109 - 38243166

Website: www.sochemvn.com

Email: sbcc@sochemvn.com

Căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2022, Công ty cổ phần Hóa
chất cơ bản miền Nam (mã chứng khoán CSV) xin được giải trình biến động lợi
nhuận sau thuế BCTC hợp nhất quý 4 năm 2022 so với quý 4 năm 2021 như sau:

Loại báo cáo	Lợi nhuận sau thuế		Chênh lệch (1) – (2)	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
	Quý 4/2022 (1)	Quý 4/2021 (2)		
Báo cáo tài chính hợp nhất	49.304.527.903	83.107.425.665	-33.802.897.762	-40,67%

Nguyên nhân:

STT (I)	Chỉ tiêu (II)	Quý 4/2022 (III)	Quý 4/2021 (IV)	Chênh lệch (V) = (III) – (IV)
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	485.581.256.656	521.640.062.492	-36.058.805.836
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0	0
3.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	485.581.256.656	521.640.062.492	-36.058.805.836
4.	Giá vốn hàng bán	375.705.451.374	375.406.688.896	298.762.478
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	109.875.805.282	146.233.373.596	-36.357.568.314
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	7.344.105.192	3.177.207.773	4.166.897.419
7.	Chi phí tài chính	3.594.558.682	1.604.021.185	1.990.537.497

STT	Chỉ tiêu	Quý 4/2022	Quý 4/2021	Chênh lệch
(I)	(II)	(III)	(IV)	(V) = (III) – (IV)
8.	Chi phí bán hàng	22.777.962.320	20.789.797.154	1.988.165.166
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	28.849.066.266	23.108.323.932	5.740.742.334
10.	Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	61.998.323.206	103.908.439.098	-41.910.115.892
0	Thu nhập khác	223.883.599	158.219.786	65.663.813
12.	Chi phí khác	10.129.228	22.291.276	-12.162.048
13.	Lợi nhuận khác	213.754.371	135.928.510	77.825.861
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	62.212.077.577	104.044.367.608	-41.832.290.031
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13.512.878.309	21.719.301.752	-8.206.423.443
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-605.328.635	-782.359.809	177.031.174
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	49.304.527.903	83.107.425.665	-33.802.897.762

Lợi nhuận kế toán trước thuế quý 4/2022 giảm 41.832 triệu đồng (tương ứng giảm 40,33%), và lợi nhuận sau thuế quý 4/2022 giảm 33.803 triệu đồng (tương ứng giảm 40,67%) so với cùng kỳ năm trước do một số nguyên nhân chính:

- Doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ quý 4/2022 giảm 36.059 triệu đồng (tỷ lệ giảm 6,91%), nguyên nhân chủ yếu do:

+ Tại công ty mẹ: doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ (đã loại trừ doanh thu doanh thu giao dịch nội bộ) quý 4/2022 tăng 7.984 triệu đồng (tỷ lệ tăng 2,16%), do sản lượng tiêu thụ các sản phẩm chính tăng như: NaOH tăng 6%, Silicate tăng 33%. Bên cạnh đó giá bán bình quân một số sản phẩm chính tăng như: NaOH tăng 24%, Silicate tăng 18%, Javel tăng 10%, và H₃PO₄ tăng 13%. Tuy nhiên, một số sản phẩm có sản lượng tiêu thụ giảm: HCl giảm 24%, Clo lỏng giảm 32%, H₂SO₄ giảm 11%, Phèn đơn giảm 13%, PAC giảm 27%; giá bán bình quân một số sản phẩm giảm: HCl giảm 52%, H₂SO₄ giảm 18%

+ Tại công ty con: doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ quý 4/2022 (đã loại trừ doanh thu doanh thu giao dịch nội bộ) giảm 44.043 triệu đồng (tương ứng giảm 29%) do giá bán bình quân phốt pho vàng tăng 56%, nhưng sản lượng tiêu thụ giảm 34%.

- Chi phí giá vốn hàng bán tăng 299 triệu đồng (tỷ lệ tăng 0,080%), do:

+ Tại công ty mẹ: chi phí giá vốn hàng bán tăng do sản lượng tiêu thụ tăng, chi phí giá thành một số sản phẩm chính tăng: H₂SO₄ tăng 35% (do giá nguyên liệu lưu huỳnh tăng 86%), H₃PO₄ tăng 53% (do giá nguyên liệu phốt pho tăng 49%), NaOH tăng 33% (do giá muối công nghiệp tăng 37%). Ngoài ra, trong kỳ phát sinh chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với sản phẩm H₂SO₄: 9.223 triệu đồng (cùng kỳ năm trước không phát sinh).



+ Tại công ty con: giá vốn hàng bán sản phẩm phot pho vàng bình quân tăng 41% (do giá nguyên liệu quặng apatit, điện cực và than cốc tăng so với cùng kỳ năm trước).

- Doanh thu hoạt động tài chính so với cùng kỳ năm trước tăng 4.167 triệu đồng (tăng 131,15%), do chủ yếu trong kỳ lãi tiền gửi tăng.

- Chi phí tài chính tăng 1.991 triệu đồng (tăng 124,1%) chủ yếu do lỗ chênh lệch tỷ giá tăng 1.799 triệu đồng, chi phí lãi vay tăng 191 triệu đồng.

- Chi phí bán hàng tăng 1.988 triệu đồng (tăng 9,56%) chủ yếu do chi phí vận chuyển trên đơn vị sản phẩm tăng.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 5.741 triệu đồng (tăng 24,84%).

Trên đây là một số nguyên nhân chính, chủ yếu dẫn đến lợi nhuận sau thuế BCTC hợp nhất quý 4/2022 giảm so với quý 4/2021.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng. ✓

Nơi nhận

- Như trên
- HĐQT, CBTT
- Lưu VT, Thư ký

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Thanh Bình

